

Số: *MM* /GM-SKHĐT

Trà Vinh, ngày *13* tháng 7 năm 2020

GIẤY MỜI

Thực hiện theo tinh thần Công văn số 1315/VP-KT ngày 01/7/2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xác định chính sách ưu đãi của Hợp tác xã Nông nghiệp – Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ Phước Thành, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức cuộc họp với những nội dung như sau:

1. Thành phần: Kính mời:

- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo Cục thuế tỉnh.

2. Thời gian: *14* giờ *00* phút ngày *16*/7/2020 (thứ *năm*).

3. Địa điểm: Hội trường Sở Kế hoạch và Đầu tư – Số 19A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

4. Nội dung: Trao đổi, thống nhất hướng xử lý đối với vướng mắc phát sinh liên quan đến chính sách ưu đãi của Hợp tác xã Nông nghiệp – Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ Phước Thành (*vướng mắc về việc không xác định được đối tượng và điều kiện ưu đãi để áp dụng miễn, giảm tiền thuê đất theo pháp luật về đất đai được Cục thuế tỉnh thể hiện cụ thể tại Công văn số 1333/CT-HKDCN ngày 19/6/2020 – đính kèm*).

Rất mong Quý đại biểu sắp xếp thời gian tham dự. *h*

Nơi nhận:

- Như thành phần;
- BGD Sở;
- Lưu: VP, TTXT.M *h*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lâm Hữu Phúc

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1337/CT-HKDCN

Trà Vinh, ngày 19 tháng 6 năm 2020

V/v Vương mắc xác định chính sách ưu đãi ghi trên Quyết định chủ trương đầu tư

Đ
Ế
N

UBND TỈNH TRÀ VINH

Số 7645 ngày 22/6/20

Chuyên: 19/1 ĐUB, HĐND, BTVN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Ngày 01/6/2020, Chi cục Thuế Khu vực Thành phố Trà Vinh - Châu Thành có nhận được hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất của HTX NN – XD – TM -DV Phước Thành (sau đây gọi tắt là HTX) đối với diện tích 72,5 m² đất, thửa đất số 181, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh để thực hiện dự án Xây dựng trụ sở làm việc HTX NN – XD – TM – DV Phước Thành, đã chuyển hồ sơ đến Cục Thuế ngày 03/6/2020.

Khi thực hiện thủ tục đề nghị miễn tiền thuê đất, trong thành phần hồ sơ gửi kèm văn bản đề nghị miễn tiền thuê đất có Quyết định chủ trương đầu tư là thành phần quan trọng xác định chính sách ưu đãi tiền thuê đất cho doanh nghiệp thực hiện dự án.

Qua nghiên cứu, rà soát giải quyết đề nghị miễn tiền thuê đất cho HTX, Cục Thuế vương mắc không xác định được đối tượng và điều kiện miễn, giảm tiền thuê đất ghi trên quyết định chủ trương đầu tư đã cấp cho HTX. Cụ thể như sau:

1. Căn cứ pháp lý:

1.1. Đối tượng, nguyên tắc và thủ tục áp dụng đầu tư.

- Theo Điều 16, Điều 17 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015, quy định:

“Điều 16. Đối tượng và nguyên tắc áp dụng ưu đãi đầu tư

1. Đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 và Điều 16 Luật Đầu tư gồm:

a) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư hoặc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định tại Phụ lục I Nghị định này;

b) Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Phụ lục II Nghị định này;

c) Dự án đầu tư có quy mô vốn từ 6.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc kể từ ngày được quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

d) Dự án đầu tư tại vùng nông thôn sử dụng từ 500 lao động trở lên (không bao gồm lao động làm việc không trọn thời gian và lao động có hợp đồng lao động dưới 12 tháng);

đ) Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về công nghệ cao và pháp luật về khoa học công nghệ.

2. Nguyên tắc áp dụng ưu đãi đầu tư:

a) Dự án đầu tư quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này được hưởng ưu đãi đầu tư như quy định đối với dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

b) Dự án đầu tư quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này được hưởng ưu đãi đầu tư như quy định đối với dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

c) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được hưởng ưu đãi đầu tư như quy định đối với dự án đầu tư thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

d) Dự án đầu tư đáp ứng điều kiện hưởng các mức ưu đãi đầu tư khác nhau được áp dụng mức ưu đãi cao nhất;

đ) Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án đầu tư tại khu công nghiệp, khu chế xuất quy định tại Mục 55 Phụ lục II Nghị định này thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp;

e) Ưu đãi tiền thuê đất theo địa bàn khu công nghiệp, khu chế xuất quy định tại Mục 55 Phụ lục II Nghị định này không áp dụng đối với dự án đầu tư tại các khu công nghiệp, khu chế xuất thuộc các quận nội thành của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I trực thuộc trung ương và các đô thị loại I trực thuộc tỉnh.

Điều 17. Thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư

1. Ưu đãi đầu tư ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản quyết định chủ trương đầu tư gồm những nội dung sau đây:

a) Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 16 Nghị định này;

b) Căn cứ áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật về đất đai.

2. Đối với dự án đầu tư thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư, nhà đầu tư căn cứ nội dung ưu đãi đầu tư quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư để hưởng ưu đãi đầu tư. Căn cứ áp dụng ưu đãi đầu tư đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ là Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

3. Đối với dự án đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này, nhà đầu tư căn cứ đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư quy định tại Khoản 1 Điều

16 Nghị định này, quy định của pháp luật có liên quan để tự xác định ưu đãi đầu tư và thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại Cơ quan áp dụng ưu đãi đầu tư.”

1.2. Căn cứ áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật về đất đai.

- Tại Khoản 2, Điều 9, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính quy định như sau:

“Điều 9. Diện tích đất cho thuê

...

Diện tích phải nộp tiền thuê đất được xác định bằng diện tích đất cho thuê trừ đi diện tích đất không phải nộp tiền thuê đất theo quy định của pháp luật.”

- Tại Khoản 5, Điều 12, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính quy định như sau:

“Điều 12. Xác định tiền thuê đất, thuê mặt nước

...

5. Đối với trường hợp đất sử dụng đồng thời vào mục đích phải nộp tiền thuê đất, mục đích không phải nộp tiền thuê đất thì số tiền thuê đất phải nộp được xác định trên cơ sở phân bổ diện tích theo mục đích sử dụng đất.”

- Tại Khoản 3, Điều 4, Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước quy định:

“Điều 4. Diện tích phải nộp tiền thuê đất

...

3. Trường hợp đất sử dụng đồng thời vào mục đích phải nộp tiền thuê đất, mục đích không phải nộp tiền thuê đất thì số tiền thuê đất phải nộp được xác định trên cơ sở phân bổ diện tích theo mục đích sử dụng đất, cụ thể như sau:

a) Trường hợp tách riêng được diện tích đất phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, dịch vụ phải nộp tiền thuê đất thì diện tích phải nộp tiền thuê đất là diện tích đất thực tế sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

b) Trường hợp không tách riêng được diện tích đất phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, dịch vụ phải nộp tiền thuê đất thì việc tính tiền thuê đất được thực hiện theo phương pháp phân bổ. Số tiền thuê đất phải nộp được tính theo diện tích đất, diện tích công trình, nhà xưởng sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Trường hợp không phân bổ được theo diện tích nêu trên thì tiêu thức phân bổ là doanh thu hàng hoá, dịch vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ so với tổng doanh thu của cơ quan, đơn vị thực hiện trong năm.

c) Cơ quan thuế chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xác định, tính và thu tiền thuê đất đối với các trường hợp quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này.”

- Theo điểm g, khoản 1, Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, quy định:

"Điều 19. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước

1. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê trong các trường hợp sau:

...

g) Hợp tác xã nông nghiệp sử dụng đất làm mặt bằng xây dựng trụ sở hợp tác xã, sân phơi, nhà kho; xây dựng các cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối."

1.3. Nội dung trên các hồ sơ có liên quan:

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã 580307000017, đăng ký lần đầu ngày 06/7/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 18/11/2019 của Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Châu Thành cấp chứng nhận đối với HTX Nông nghiệp – Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ Phước Thành thì HTX đăng ký 06 danh mục ngành nghề. Trong đó, có 1 số ngành nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp (trồng lúa, thủy sản.v.v), nhưng còn lại là các ngành nghề thuộc lĩnh vực xây dựng, kinh doanh thương mại như sau: San lấp mặt bằng công trình, thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp...; Mua bán vật tư nông nghiệp...; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế chuyên ngành.v.v. Do đó, theo như thông tin đăng ký thì đây là HTX hoạt động dịch vụ tổng hợp.

- Theo Quyết định chủ trương đầu tư số 683/QĐ-UBND ngày 23/4/2019 của UBND về việc chấp thuận nhà đầu tư: HTX NN-XD-TM-DV Phước Thành; Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã số 580307000017 do Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Châu Thành cấp ngày 06/7/2012, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 20/8/2018 có ghi nội dung:

+ Tại khoản 2, Điều 1, về nội dung dự án đầu tư:

"2. Mục tiêu dự án: Phục vụ nhu cầu làm việc và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh hợp tác xã."

+ Tại Khoản 2, Điều 2 về Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất:

"- Cơ sở pháp lý ưu đãi: Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và theo quy định của pháp luật hiện hành."

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: Hợp tác xã nông nghiệp – Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ Phước Thành sử dụng đất xây dựng trụ sở làm việc."

2. Vướng mắc.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư, cụ thể như các điểm a, b, ... Khoản 1 Điều 16 :

“a) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư hoặc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định tại Phụ lục I Nghị định này;

...”

Nội dung này phải được ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.

Do đó, nội dung ưu đãi trên Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư phải ghi rõ:

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 16 Nghị định 118/2015/NĐ-CP; Tức phải ghi rõ theo điểm a, b, đến điểm d Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.

- Căn cứ áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật về đất đai (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng): Cụ thể các điểm nêu tại Khoản 1 và Khoản..... Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP.

Căn cứ các quy định và hồ sơ nêu trên trường hợp ưu đãi miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 19 của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP chỉ áp dụng đối với Hợp tác xã nông nghiệp sử dụng đất làm mặt bằng xây dựng trụ sở hợp tác xã. Tuy nhiên, theo đăng ký ngành nghề của Hợp tác xã NN-XD-TM-DV Phước Thành thì đây là hợp tác xã tổng hợp nhiều ngành nghề. Đồng thời, tại các Quyết định chủ trương đầu tư thì chỉ nhắc lại tên của Hợp tác xã nông nghiệp – Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ Phước Thành sử dụng đất xây dựng trụ sở làm việc, không xác định rõ đối tượng ưu đãi miễn tiền thuê đất là thuộc trường hợp là Hợp tác xã nông nghiệp hay không? hoặc Mục tiêu dự án có phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp hay không?

Trường hợp nếu HTX đáp ứng điều kiện là hợp tác xã nông nghiệp được Nhà nước cho thuê đất chỉ sử dụng diện tích đất thuê cho 1 mục đích hoạt động nông nghiệp thì sẽ được hưởng chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo điểm g, khoản 1, Điều 19, Nghị định 46/2014/NĐ-CP. Nếu trường hợp diện tích này được sử dụng đồng thời vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc đối tượng được miễn tiền thuê đất và vừa hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực khác thuộc đối tượng phải nộp tiền thuê đất thì số tiền thuê đất phải nộp được xác định trên cơ sở phân bổ diện tích theo mục đích sử dụng đất hoặc doanh thu theo quy định tại Khoản 5, Điều 12, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và hướng dẫn tại Khoản 3, Điều 4, Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính.

Ngoài ra, có liên quan đến nội dung này, Cục Thuế cũng đã có Công văn số 1946/CT-HKDCN ngày 05/9/2019 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đóng góp ý kiến thẩm định có liên quan điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng trụ sở làm việc HTX NN – XD – TM – DV Phước Thành của HTX NN-XD-

TM-DV Phước Thành nhưng nội dung góp ý của Cục Thuế vẫn chưa được xem xét. (Có kèm theo công văn số 1946/CT-HKDCN).

Do đó, việc xác định cụ thể trường hợp, lĩnh vực, ngành nghề và căn cứ pháp lý ưu đãi đầu tư tại các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư là cơ sở cho cơ quan Thuế căn cứ xác định trường hợp miễn, giảm có liên quan. Nếu trường hợp không ghi cụ thể, rõ ràng theo quy định thì cơ quan Thuế không có đầy đủ cơ sở xem xét hồ sơ ưu đãi, miễn giảm của người nộp thuế theo quy định.

Đây là một trong các trường hợp vướng mắc không xác định được đối tượng và điều kiện ưu đãi để áp dụng miễn, giảm tiền thuê đất theo pháp luật về đất đai.

Cục Thuế tỉnh Trà Vinh báo cáo Ủy ban nhân tỉnh xem xét nội dung vướng mắc nêu trên để Cục Thuế tổ chức thực hiện miễn giảm cho Hợp tác xã NN-XD-TM-DV Phước Thành. / *Minh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở TNMT;
- Lưu: VT, HKDCN.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Huỳnh Thanh Hồng